TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 30-7-2018
V/v: Không công nhận
quan hệ vợ chồng và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán– Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thu Huyền**
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Tạ Văn Việt**
2. Ông **Trần Ngọc Đổi**

-Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hoàng Bảo Vân– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình *tham gia phiên tòa*: Ông Trần Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 về "Không công nhận quan hệ vợ chồng và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/7/2017 đối với các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Hồng N, sinh năm 1974.
Địa chỉ: thôn BL, xã PRT, huyện BB, tỉnh Bình Thuận.
2. *Bị đơn*: Anh Võ T, sinh năm 1973.
Địa chỉ: thôn BL, xã PRT, huyện BB, tỉnh Bình Thuận.
Nguyên đơn, bị dơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn vào ngày 29 tháng 5 năm 2018, lời khai của nguyên đơn và tại phiên tòa hôm nay, chị Lê Thị Hồng N trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng N và anh Võ T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, không đăng ký kết hôn, chỉ có gia đình hai bên gặp mặt và đồng ý cho hai người sống chung với nhau, đến nay có 03 (ba) con chung là Võ Thị Kim Th, Võ Nh đã trưởng thành và Võ Lê Hồng Ngọc Th1, sinh ngày 06/3/2001. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016, nhưng kể từ thời gian này trở về sau, vợ

chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không còn yên bình do anh T uống rượu say là chửi bới và đánh đập vợ. Sau nhiều lần nhẫn nhịn để anh T suy nghĩ lại nhưng anh T vẫn không thay đổi. Nay, chị N thấy không thể hàn gắn lại được tình cảm vợ chồng nên đề nghị giải quyết cho chị ly hôn với anh Võ T.

2. Về con chung: Chị N và anh T có 03 (ba) con chung là Võ Thị Kim Th (sinh năm 1994), Võ Nh (sinh năm 1997) đã trưởng thành và Võ Lê Hồng Ngọc Th1, sinh ngày 06/3/2001. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Th1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết.

4. Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải, bị đơn – anh Võ T trình bày: Anh T thừa nhận giữa anh và chị N sống chung với nhau từ năm 1993 và không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, anh T và chị N có 03 (ba) con chung như chị N đã trình bày. Từ năm 2014 đến nay, anh T và chị N không còn chung sống với nhau vì không còn tình cảm nên chị N yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý. Về con chung, hiện nay cháu Võ Lê Hồng Ngọc Th1, sinh ngày 06/3/2001 đang sống cùng chị N nên đồng ý giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con . Về tài sản chung, anh T cũng không yêu cầu giải quyết.

5. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Lê Thị Hồng N và anh Võ T sống chung, không đăng ký kết hôn nên theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì chị N và anh T không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Về con chung chưa trưởng thành, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh T đồng ý nên đề nghị giao con chung chưa trưởng thành cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Hồng N có đơn đề nghị giải quyết về hôn nhân giữa chị Lê Thị Hồng N và anh Võ T, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

[3] Về nội dung: Chị Lê Thị Hồng N vẫn giữ nguyên yêu cầu không công nhận chị N và anh Võ T là vợ chồng và anh Võ T đồng ý với yêu cầu của chị N. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Được sự cho phép của hai bên gia đình, chị N và anh T tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1993, không đăng ký kết hôn. Chị N và anh T đều thừa nhận trong thời gian chung sống, xảy ra nhiều mâu thuẫn nên cuộc sống chung của hai người không hạnh phúc. Từ năm 2014

đến nay, chị N và anh T đều có cuộc sống riêng, không còn có mối quan hệ gia đình với nhau. Xét thấy tình cảm giữa chị N và anh T không còn, mục đích của cuộc sống chung không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ. Do chị N và anh T không đăng ký kết hôn nên theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000: " Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng" (nay là khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014), vì vậy không công nhận chị Lê Thị Hồng N và anh Võ T là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị Lê Thị Hồng N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ Lê Hồng Ngọc Th1 (sinh ngày 06/3/2001), không yêu cầu anh Võ T cấp dưỡng con, anh Võ T đồng ý để chị N tiếp tục nuôi con chung Võ Lê Hồng Ngọc Th1 và không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của hai bên nên được chấp nhận và Hội đồng xét xử không xem xét việc đóng góp phí tổn trong việc nuôi con chung của anh Võ T.

[5] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Hồng N và anh Võ T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Lê Thị Hồng N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điểm a, Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 14; Khoản 3 Điều 82; Khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị Hồng N và anh Võ T là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Hồng N được tiếp tục nuôi con chung Võ Lê Hồng Ngọc Th1 (sinh ngày 06/3/2001), anh Võ T không cấp dưỡng nuôi con. Anh Võ T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Hồng N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015772 ngày 06/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Bình.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Hồng N và anh Võ T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/7/2018).

Nơi nhận:
-VKSND huyện Bắc Bình;
-Các đương sự;
-Chi cục THADS huyện Bắc Bình;
-Lưu: V.P, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Thu Huyền